

ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC QUẢN LÝ CỦA ĐIỀU DƯỠNG TRƯỞNG KHOA TẠI BỆNH VIỆN QUÂN Y 87 NĂM 2021

Nguyễn Thị Thu Trang¹, Lê Bá Vĩnh¹, Cao Thị Xuân Thanh¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá năng lực quản lý của điều dưỡng trưởng khoa và tìm hiểu một số yếu tố ảnh hưởng tới năng lực quản lý của đội ngũ điều dưỡng trưởng khoa trong toàn Bệnh viện.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang, kết hợp nghiên cứu định lượng và định tính được tiến hành trên 23 điều dưỡng trưởng khoa đang công tác tại Bệnh viện Quân y 87, từ tháng 9-10/2021.

Kết quả: Tỷ lệ điều dưỡng trưởng khoa có trình độ chuyên môn đại học thấp chỉ chiếm 4,3%. Phần lớn điều dưỡng trưởng khoa đạt mức độ hoàn thành nhiệm vụ với tỷ lệ là 73,9%; còn 26,1% điều dưỡng trưởng khoa không đạt mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Thời gian dành cho công tác quản lý của điều dưỡng trưởng còn hạn chế: 34,8% (>80%/ngày); 47,8% (khoảng 50%-80%/ngày); 17,4% (<50%). Có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê về trình độ chuyên môn, trình độ tin học và thời gian dành cho công tác quản lý với mức độ hoàn thành nhiệm vụ ($p < 0,05$).

Từ khóa: Năng lực quản lý của điều dưỡng trưởng.

ASSESSMENT OF THE MANAGEMENT CAPACITY OF HEAD NURSE AT MILITARY MEDICAL HOSPITAL 87 IN 2021

ABSTRACT

Objective: To evaluate the management capacity of the head nurse and to find out some factors affecting the management capacity of the nursing team of the head nurses in the whole hospital.

¹ Bệnh viện Quân y 87

Người phản hồi (Corresponding): Lê Bá Vĩnh (thuoctayvinhhuong@gmail.com)

Ngày nhận bài: 04/7/2022, ngày phản biện: 09/8/2022

Ngày bài báo được đăng: 30/3/2023

Subjects and research methods: A cross-sectional descriptive study, combining quantitative and qualitative research was conducted on 23 chief nurses working at Military Hospital 87, from 9-10/2021.

Results: The percentage of dean nurses with university qualifications is low, only 4.3%. Most of the dean nurses reached the level of task completion with the rate of 73.9%; and 26.1% of the head nurses did not reach the level of task completion. Time spent on management of the head nurse is still limited: 34.8% (>80%/day); 47.8% (about 50%-80%/day); 17.4% (<50%). There is a statistically significant difference in professional qualifications, computer skills and time spent in management with the level of task completion ($p < 0.05$).

Keyword: Management capacity of the head nurse.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngày nay, ngành điều dưỡng đã khẳng định được vị trí, vai trò và tầm quan trọng của một hệ thống chăm sóc sức khỏe. Tổ chức Y tế thế giới đã khẳng định “Điều dưỡng là xương sống của bất kỳ hệ thống dịch vụ y tế nào”[9].

Trong hoạt động chung của bệnh viện, đội ngũ điều dưỡng trưởng khoa (ĐDTK) ngày càng đóng vai trò quan trọng trong công tác theo dõi và chăm sóc người bệnh cũng như quản lý khoa phòng. Kết quả của công tác theo dõi và chăm sóc người bệnh phụ thuộc rất nhiều vào năng lực tổ chức điều hành của các điều dưỡng trưởng khoa [5].

Một trong các định hướng của Cục quân y về phát triển công tác điều dưỡng quân

đội giai đoạn 2020-2025 là nâng cao năng lực hệ thống điều dưỡng quản lý

cùng với đó mục tiêu của Ngành y tế tỉnh Khánh Hòa năm 2021 là nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, trong đó nhân viên y tế đóng vai trò quan trọng. Chính vì vậy, việc đánh giá năng lực của điều dưỡng nói chung, đặc biệt là ĐDTK là cần thiết, vì năng lực liên quan chặt chẽ đến chất lượng công việc, thiếu năng lực sẽ ảnh hưởng đến chất lượng chăm sóc, hạn chế hoàn thành nhiệm vụ của người điều dưỡng [6,8].

Tại Bệnh viện (BV) Quân y 87, Điều dưỡng (ĐD) - Hộ sinh (HS) - Kỹ thuật viên (KTV) trưởng khoa (sau đây gọi chung là ĐDTK) trong những năm gần đây đã từng bước thay đổi góp phần tích cực vào sự phát triển chung của BV. Tuy nhiên trong thực tế công việc đã bộc lộ một số hạn chế nhất định từ nguyên nhân chủ quan và khách quan đã và đang ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng chăm sóc người bệnh (NB).

Từ vai trò và tầm quan trọng trên,

chúng tôi tiến hành “Đánh giá về năng lực quản lý của Điều dưỡng trưởng khoa tại Bệnh viện Quân y 87 năm 2021” nhằm đạt được những mục tiêu:

1. *Mô tả về năng lực quản lý của ĐDTK trong toàn Bệnh viện.*

2. *Phân tích các yếu tố liên quan đến năng lực quản lý của ĐDTK.*

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

- Toàn bộ 23 ĐDTK đang công tác tại BV Quân y 87, từ tháng 9-10/2021.

- Tiêu chuẩn lựa chọn: Các ĐDTK có thời gian công tác tại Bệnh viện trên 2 năm, đồng ý tham gia nghiên cứu và có mặt trong thời gian nghiên cứu. Chủ nhiệm khoa (CNK) đồng ý phỏng vấn và thảo luận.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- *Thiết kế nghiên cứu:* mô tả cắt ngang.

- *Công cụ nghiên cứu:*

+ Bộ công cụ điều tra định lượng: Sử dụng thang đo likert 5 mức độ (không ý kiến; yếu; trung bình; khá; tốt).

+ Bộ công cụ điều tra định tính: Tiến hành thu thập số liệu định tính theo một số câu hỏi về mức độ đáp ứng công việc của ĐDTK, mong muốn của CNK và các yếu tố ảnh hưởng đến công việc, đề xuất giải pháp.

- *Phương pháp thu thập số liệu*

+ Thu thập số liệu định lượng: Sau buổi giao ban ĐDT, tiến hành phát phiếu tự điền cho ĐDTK, sau khi kết thúc sẽ thu lại và kiểm tra các phiếu.

+ Thu thập số liệu định tính: Tại mỗi khoa sẽ thu thập ý kiến của 1 lãnh đạo

2.3 Xử lý số liệu: Bằng phương pháp thống kê y học, các số liệu được xử lý dựa trên phần mềm SPSS 22.0.

2.4. Đạo đức nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu đã được thông qua Hội Đồng Đạo đức của Bệnh viện Quân y 87 và tuân thủ các nguyên tắc trong nghiên cứu y sinh học. Các ĐDT và chủ nhiệm khoa đều hiểu mục đích, nội dung nghiên cứu và đồng ý tham gia nghiên cứu. Thông tin cá nhân được sử dụng để nghiên cứu, được xử lý và công bố dưới hình thức số liệu, không nêu danh cá nhân.

3. KẾT QUẢ

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Thông tin chung đặc điểm của đối tượng nghiên cứu (n=23)

TT	Đặc điểm		Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Giới tính	Nam	07	30,4
		Nữ	16	69,6
2	Nhóm tuổi	Dưới 40 tuổi	04	17,4
		Từ 40-45 tuổi	13	56,5
		Trên 45 tuổi	06	26,1
3	Chuyên ngành	Điều dưỡng	15	65,2
		Hộ sinh	01	4,3
		Kỹ thuật viên	04	17,4
		Y sỹ đa khoa	03	13,1
4	Trình độ chuyên môn	Đại học	01	4,3
		Cao đẳng	17	73,9
		Trung học	05	21,8
5	Trình độ ngoại ngữ	Chưa có chứng chỉ	15	65,2
		Trình độ A và tương đương	05	21,7
		Trình độ B và tương đương	03	13,1
6	Trình độ tin học	Chưa có chứng chỉ	10	43,5
		Trình độ A và tương đương	11	47,8
		Trình độ B và tương đương	02	8,7
7	Đào tạo về quản lý	Đã được đào tạo	04	17,4
		Chưa được đào tạo	19	82,6
8	Số năm công tác	Dưới 15 năm	01	4,3
		Từ 15-25 năm	18	78,3
		Trên 25 năm	04	17,4
9	Số năm làm công tác quản lý	Dưới 5 năm	04	17,4
		Từ 5-10 năm	05	21,7
		Trên 10 năm	14	60,9
10	Số đề tài/sáng kiến NCKH đã tham dự	Không tham gia	13	56,5
		Tham gia 01 đề tài/sáng kiến	06	26,1
		Tham gia 02 đề tài/sáng kiến	04	17,4

11	Nguyên vọng tiếp tục học tập	Đại học, sau đại học	Có	11	47,8
			Không	12	52,2
		Ngoại ngữ	Có	05	21,7
			Không	18	78,3
		Tin học	Có	06	26,1
			Không	17	73,9
		Công tác quản lý	Có	13	56,5
			Không	10	43,5
Nghiên cứu khoa học	Có	06	26,1		
	Không	17	73,9		

Bảng 2. Kết quả tự ước lượng thời gian (%) tương đối theo ngày dành cho công tác quản lý của ĐDTK (n=23)

Nội dung	SL	Tỷ lệ %
Thời gian của ĐDTK dành cho quản lý/ngày ít hơn 50%	04	17,4
Thời gian của ĐDTK dành cho quản lý/ngày khoảng 50% - 80%	11	47,8
Thời gian của ĐDTK dành cho quản lý/ngày nhiều hơn 80%	08	34,8

Bảng 3. Các mặt khó khăn thường gặp trong công tác quản lý của ĐDTK

Các khó khăn thường gặp trong công tác quản lý	Có		Không	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Quản lý công tác chăm sóc người bệnh	05	21,7	18	78,3
Quản lý công tác chống nhiễm khuẩn, vệ sinh	06	26	17	74
Quản lý nhân lực	06	26	17	74
Quản lý tài sản vật tư	02	8,7	21	91,3
Mối quan hệ phối hợp với CNK	01	4,3	22	95,7
Mối quan hệ phối hợp với nhân viên khác trong khoa	03	13	20	87
Mối quan hệ phối hợp với NB và gia đình	02	9,5	21	90,5
Đào tạo, NCKH, chỉ đạo tuyến	22	95,7	01	4,3

CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Bảng 4: Đánh giá thực hiện quản lý công tác chăm sóc NB

Nội dung	Có		Không	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Tổ chức tiếp nhận và sắp xếp NB mới vào khoa	21	91,3	02	8,7
Xây dựng và duy trì mô hình chăm sóc toàn diện	17	73,9	06	26,1
Kiểm tra việc thực hiện chỉ định điều trị và kế hoạch chăm sóc	19	82,6	04	17,4
Chỉ đạo việc lập kế hoạch chăm sóc, theo dõi NB nặng.	18	78,3	05	21,7
Thực hiện một số kỹ thuật ĐD cơ bản theo quy trình	22	95,7	01	4,3
Đi buồng cùng với trưởng khoa để nhận và tổ chức thực hiện các y lệnh về điều trị và chăm sóc	19	82,6	04	17,4
Chủ động đi buồng hằng ngày để thăm hỏi, nắm tình hình và giải quyết các yêu cầu của NB	18	78,3	05	21,7
Chủ động báo cáo những diễn biến bất thường của người bệnh cho bác sĩ điều trị và bác sĩ trưởng khoa để kịp thời xử lý.	19	82,6	04	17,4
Chủ động tham gia trao đổi, thảo luận với bác sĩ điều trị trong các chăm sóc đặc biệt.	19	82,6	04	17,4

Các ĐDTK chưa thực hiện tốt và đầy đủ ở các nội dung:

- Xây dựng và duy trì mô hình chăm sóc toàn diện chỉ đạt 73,9%.

Bảng 5: Đánh giá thực hiện quản lý công tác chống nhiễm khuẩn, vệ sinh

Nội dung	Có		Không	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Giám sát công tác vệ sinh, trật tự và an toàn trong các buồng bệnh	23	100	00	0
Kiểm tra việc cọ rửa, khử khuẩn, tiệt khuẩn theo quy định	21	91,3	02	8,7
Giám sát việc thu gom, phân loại và xử lý chất thải	22	95,7	01	4,3
Giám sát việc thực hiện các biện pháp phòng hộ lao động	20	87	03	13

Nội dung giám sát việc thực hiện các biện pháp phòng hộ lao động chiếm tỉ lệ thấp nhất là 87%.

Bảng 6: Đánh giá thực hiện quản lý nguồn nhân lực

Nội dung	Có		Không	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Xây dựng lịch phân công lao động cho nhân viên	23	100	00	0
Xây dựng mô hình phân công chăm sóc	20	87	03	13
Mô tả công việc cho các vị trí nhân viên	22	95,7	01	4,3
Phân công và lập bảng trực cho ĐD, Hộ lý, KTV trong khoa đảm bảo yêu cầu chăm sóc NB liên tục 24h/ngày	23	100	00	0
Theo dõi và chấm công	23	100	00	0
Phổ biến cho ĐD, Hộ lý, KTV những thông báo, chỉ thị cấp trên.	23	100	00	0
Đôn đốc các ĐD, Hộ lý, KTV, sinh viên thực hiện các quy chế BV	23	100	00	0

Nội dung xây dựng mô hình phân công chăm sóc chỉ đạt 87%.

Bảng 7: Đánh giá thực hiện quản lý tài sản vật tư khoa, ban

Nội dung	Có		Không	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Phân công cho ĐD, Hộ lý, KTV quản lý dụng cụ và tài sản	23	100	00	0
Hàng ngày kiểm tra việc sử dụng và bảo quản dụng cụ trong khoa	21	91,3	02	8,7
Viết phiếu yêu cầu sửa chữa và thay thế kịp thời các dụng cụ bị hỏng	23	100	00	0
Lập sổ sách để theo dõi tài sản theo quy định	23	100	00	0

Công tác quản lý tài sản của ĐDTK được thực hiện rất tốt ở tỉ lệ rất cao trên 91,3%.

CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Bảng 8: Đánh giá thực hiện công tác đào tạo, NCKH, chỉ đạo tuyến.

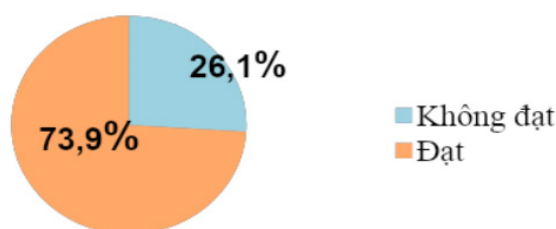
Nội dung	Có		Không	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Tham gia hướng dẫn, giảng dạy cho ĐD, Hộ lý, KTV, sinh viên.	20	87	03	13
Tham gia nghiên cứu khoa học và áp dụng sáng kiến trong việc quản lý và chăm sóc NB	12	52	11	48
Tham gia các công việc khác theo sự phân công của CNK và Ban ĐD BV	23	100	00	0

Nội dung tham gia NCKH và áp dụng sáng kiến trong việc quản lý và chăm sóc NB được thực hiện với tỉ lệ rất thấp chỉ đạt 52%.

Bảng 9: Mức độ hoàn thành nhiệm vụ của ĐDTK theo đánh giá của CNK

Mức độ Nhiệm vụ	Mức hoàn thành nhiệm vụ									
	Không ý kiến		Yếu		Trung bình		Khá		Tốt	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Tổ chức và quản lý công tác chăm sóc NB	00	0	00	0	02	8,7	08	34,8	13	56,5
Tổ chức và quản lý công tác chống nhiễm khuẩn, vệ sinh	00	0	00	0	02	8,7	11	47,8	10	43,5
Tổ chức và quản lý nhân lực	00	0	00	0	00	0	10	43,5	13	56,5
Quản lý tài sản vật tư	00	0	00	0	01	4,3	06	26,1	16	69,6
Mối quan hệ phối hợp giữa các ĐDTK khoa và CNK	00	0	00	0	02	8,7	05	21,7	16	69,6
Mối quan hệ phối hợp giữa các ĐDTK khoa và nhân viên khác trong khoa	00	0	00	0	00	0	11	47,8	12	52,2
Mối quan hệ phối hợp giữa các ĐDTK khoa với NB và gia đình	00	0	00	0	00	0	12	52,2	11	47,8
Tham gia đào tạo, NCKH, chỉ đạo tuyến	00	0	02	8,7	08	34,8	09	39,1	04	17,4

Nhiệm vụ tham gia đào tạo, NCKH, chỉ đạo tuyến là nội dung mà các CNK đánh giá các ĐDTK còn nhiều hạn chế (mức yếu và trung bình chiếm tỉ lệ lần lượt là 8,7% và 34,8%).



Biểu đồ 3.1. Phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của ĐDTK (n=23)

Có 73,9% ĐDTK đạt mức độ hoàn thành nhiệm vụ, còn 26,1% ĐDTK không đạt mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

3.2 Một số yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý của ĐDTK

Bảng 10. Ảnh hưởng của giới tính, nhóm tuổi và trình độ chuyên môn đối với khả năng hoàn thành nhiệm vụ của ĐDTK (n=23)

Stt	Đặc điểm		Khả năng hoàn thành nhiệm vụ					
			Đạt		Không đạt		OR (95% CI)	p
			SL	%	SL	%		
1	Giới tính	Nam	05	21,7	02	8,7	OR= 1,025 0,114 - 6,111	0,858
		Nữ	12	52,2	04	17,4		
2	Nhóm tuổi	Dưới 40 tuổi	03	13	01	4,4	OR= 1,290 0,306 - 5,440	0,729
		Từ 40-45 tuổi	10	43,5	03	13		
		Trên 45 tuổi	04	17,4	02	8,7		
3	Chuyên ngành	Điều dưỡng	12	52,1	03	13	OR= 1,456 0,666 - 3,184	0,346
		Hộ sinh	00	00	01	4,4		
		Kỹ thuật viên	04	17,4	00	00		
		Y sỹ đa khoa	01	4,4	02	8,7		
4	Trình độ chuyên môn	Đại học	01	4,4	00	00	OR= 5,413 1,204 - 12,242	0,035
		Cao đẳng	14	60,9	03	13		
		Trung học	02	8,7	03	13		
5	Trình độ ngoại ngữ	Chưa có chứng chỉ	11	47,7	04	17,4	OR= 1,059 0,292 - 3,842	0,931
		Trình độ A và tương đương	04	17,4	01	4,4		
		Trình độ B và tương đương	02	8,7	01	4,4		

CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

6	Trình độ tin học	Chưa có chứng chỉ	05	21,7	05	21,7	OR= 0,095 0,009 - 0,985	0,048
		Trình độ A và tương đương	10	43,5	01	4,4		
		Trình độ B và tương đương	02	8,7	00	00		

Kết quả cho thấy trình độ chuyên môn và trình độ tin học ảnh hưởng đến khả năng hoàn thành nhiệm vụ của ĐDTK với sự khác biệt có ý nghĩa thống kê $p=0,035$ và $p=0,048$ ($<0,05$).

Bảng 11. Một số yếu tố ảnh hưởng đến khả năng hoàn thành nhiệm vụ của ĐDTK

Đặc tính mẫu nghiên cứu		Khả năng hoàn thành nhiệm vụ					
		Đạt		Không đạt		OR (95% CI)	P
		SL	%	SL	%		
Số năm công tác	Dưới 15 năm	00	00	01	4,4	OR= 0,376 0,035 - 4,037	0,420
	Từ 15-25 năm	14	60,8	04	17,4		
	Trên 25 năm	03	13	01	4,4		
Số năm làm công tác quản lý	Dưới 5 năm	03	13	01	4,4	OR= 1,840 0,441 - 7,685	0,403
	Từ 5-10 năm	05	21,7	00	00		
	Trên 10 năm	09	39,2	05	21,7		
Đào tạo về quản lý	Đã được đào tạo	03	13	01	4,4	OR= 1,071 0,089 - 12,831	0,957
	Chưa được đào tạo	14	60,9	05	21,7		
Số đề tài/sáng kiến NCKH đã tham dự	Không tham gia	09	39,1	04	17,4	OR= 1,169 0,214 - 2,760	0,687
	Tham gia 01 đề tài/sáng kiến	05	21,7	01	4,4		
	Tham gia 02 đề tài/sáng kiến		13	01	4,4		

Bảng 12. Ảnh hưởng tương đối giữa thời gian dành cho công tác quản lý và khả năng hoàn thành nhiệm vụ của ĐDTK (n=23)

Thời gian ước lượng	Đạt		Không đạt		OR (95% CI)	Ý nghĩa p
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %		
Dưới 50%	01	4,4	03	13	OR= 0,079 0,08 - 0,749	0,027
Từ 50%-80%	08	34,8	03	13		
Trên 80%	08	34,8	00	00		

Thời gian dành cho công tác quản lý ảnh hưởng đến mức độ hoàn thành nhiệm vụ của ĐDTK với sự khác biệt có ý nghĩa thống kê $p=0,027 (<0,05)$.

Bảng 13. Mối liên quan giữa nhóm tuổi của ĐDTK với nguyện vọng tiếp tục học tập

Nhóm tuổi	Có		Không		Ý nghĩa p
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	
Dưới 40 tuổi	04	17,4	00	00	P= 0,044
Từ 40-45 tuổi	12	52,2	01	4,4	
Trên 45 tuổi	03	13	03	13	

Kết quả phân tích ở bảng trên cho ta thấy các ĐDTK còn trẻ thì có nguyện vọng tiếp tục học tập cao hơn và khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p=0,044 (<0,05)$.

4. BÀN LUẬN

4.1 Đặc điểm chung của ĐDTK

Nguồn nhân lực ĐDTK tại BV hiện có là 23 người. Trong đó nữ chiếm 69,6% và nam chiếm 30,4%, Tỉ lệ ĐDTK nữ cao hơn nam là phù hợp với đặc thù nghề nghiệp của người ĐD là cần sự nhẹ nhàng, khéo léo, tỉ mỉ trong công tác chăm sóc NB cũng như công tác quản lý ĐD. Trong một nghiên cứu của tác giả Dương Thị Thanh Huyền tại các cơ sở y tế tuyến huyện tỉnh Nam Định năm 2019, thì tỉ lệ

ĐDTK nữ là 88%, nam là 12%. Điều này cho thấy, gần đây tỷ lệ ĐD nói chung và ĐDTK nói riêng là nam giới cũng có xu hướng tăng, đây là dấu hiệu rất đáng khích lệ vì từ trước đến nay, quan niệm của xã hội vẫn cho rằng ĐD là nghề của nữ giới [2].

Nhóm tuổi 40-45 chiếm tỷ lệ cao nhất (56,5%), Điều này là hoàn toàn phù hợp vì người điều dưỡng trưởng thường trải qua một vài năm là điều dưỡng viên làm công tác chăm sóc trực tiếp NB. Như vậy, ĐDTK đã có xu hướng trẻ hóa, qua đó thấy được sự quan tâm của các cơ quan quản lý đối với đội ngũ cán bộ trẻ. Thực tế thì những ĐDTK trẻ tuổi cũng có một lợi thế đó là sự nhanh nhẹn, nhạy bén,

sức khỏe và khả năng học hỏi, công nghệ thông tin tốt, khả năng chịu áp lực...

So với tiêu chuẩn bệnh viện loại 1 của Bộ y tế thì trình độ chuyên môn đại học của Đội ngũ ĐDTK của BV còn thấp chỉ đạt 4,3% và thấp hơn rất nhiều so với nghiên cứu của tác giả Đinh Thị Hồng Vân tại BV Quân y 175 năm 2020 có 100% ĐDTK có trình độ đại học và cao đẳng, trong đó trình độ đại học 71.7%, chuyên khoa I là 6.5%, thạc sỹ chiếm tới 10.9% [3].

Chỉ có 17,4% ĐDTK được đào tạo về quản lý ĐD; thấp hơn so với báo cáo của Cục Quản lý Khám, chữa bệnh năm 2017 ở các BV trực thuộc cấp Sở (78% ĐD trưởng có chứng chỉ quản lý ĐD); báo cáo của Phùng Thị Phương năm 2020 (38,45% ĐD trưởng các BV toàn quân có chứng chỉ quản lý ĐD); thấp hơn rất nhiều so với nghiên cứu của Đinh Thị Hồng Vân tại BV Quân y 175 năm 2020 (96% ĐD trưởng khoa được đào tạo về quản lý ĐD)[1, 6, 3]. Đây là một hạn chế lớn đối với lực lượng làm công tác quản lý và lãnh đạo ĐD của BV Quân y 87.

Tỷ lệ ĐDTK có chứng chỉ tin học văn phòng còn rất thấp chỉ có 57,5%. Đây cũng là mặt hạn chế lớn trong quá trình làm việc để đáp ứng được nhiệm vụ, trong khi mọi công việc của chúng ta đều được tin học hóa các thao tác trên máy tính như khai thác phần mềm quản lý của BV, hồ sơ bệnh án của NB, soạn thảo văn bản. Người

ĐDTK giỏi về công nghệ thông tin sẽ quản lý khoa tốt và có xu thế hội nhập tốt hơn.

Tỷ lệ ĐDTK có chứng chỉ Ngoại ngữ chỉ chiếm 34,8% thấp hơn nhiều so với nghiên cứu của tác giả Đặng Văn Tuấn tại BV Quân y 5 năm 2019 (100% ĐDTK đã có chứng chỉ ngoại ngữ) [4].

Tỷ lệ ĐDTK có tham gia NCKH chiếm tỷ lệ 43,5%. Trong đó 26,1% ĐDTK tham gia ở mức 01 đề tài/sáng kiến và 17,4% tham gia 02 đề tài/sáng kiến là những con số rất đáng ghi nhận về sự nỗ lực tham gia công tác NCKH của đội ngũ ĐDTK tại BV Quân y 87.

4.2. Thực trạng năng lực quản lý của ĐDTK trong toàn BV

Kết quả định tính thời gian (%) dành cho công tác quản lý một ngày của ĐDTK có tới 34,8% ĐDTK tự đánh giá thời gian dành cho quản lý/ngày nhiều hơn 80% cao hơn so với nghiên cứu của tác giả Dương Thị Thanh Huyền tại các cơ sở y tế tuyến huyện tỉnh Nam Định năm 2019 là 17% [2].

Nội dung xây dựng và duy trì mô hình chăm sóc toàn diện chỉ đạt 73,9%, công tác tham gia NCKH và áp dụng sáng kiến trong việc quản lý và chăm sóc NB được thực hiện với tỷ lệ thấp nhất chỉ đạt 52%.

Có 73,9% ĐDTK đạt mức độ hoàn thành nhiệm vụ, còn 26,1% ĐDTK không

đạt mức hoàn thành nhiệm vụ theo đánh giá của CNK tương đương với nghiên cứu của tác giả Dương Thị Thanh Huyền tại các cơ sở y tế tuyến huyện tỉnh Nam Định năm 2019 (73% ĐDTK đạt mức độ hoàn thành nhiệm vụ) [2].

4.3. Các yếu tố liên quan đến năng lực quản lý của ĐDTK.

Trình độ tin học lại ảnh hưởng đến khả năng hoàn thành nhiệm vụ của ĐDTK với sự khác biệt có ý nghĩa thống kê $p=0,048$ ($<0,05$). Tương đối phù hợp với kết quả nghiên cứu của tác giả Nguyễn Vĩnh Thái tại các BV công lập tỉnh Khánh Hòa năm 2014 (có mối liên quan giữa năng lực quản lý của ĐDTK và trình độ tin học với $p<0,05$ có ý nghĩa thống kê) [7].

Kết quả nghiên cứu cho thấy thời gian dành cho công tác quản lý ảnh hưởng đến khả năng hoàn thành nhiệm vụ của ĐD với sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p=0,027$).

Có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê về nguyện vọng được tiếp tục học tập giữa các nhóm tuổi của ĐDTK. Điều này có vẻ phù hợp vì trong số các ĐDTK ở nhóm tuổi trên 45 tuổi có những người gần đến tuổi về hưu nên không có nguyện vọng được tiếp tục học tập nữa. Tuy nhiên đây là suy nghĩ chưa đúng vì việc học tập và cập nhật kiến thức là điều cần phải được tiến hành liên tục.

Kết quả phỏng vấn sâu CNK, có

ý kiến cho rằng: “Sự phối hợp của đồng nghiệp cũng ảnh hưởng đến công tác quản lý ĐD”, “Đề nghị cơ quan các cấp nghiên cứu có thời hạn bổ nhiệm ĐDTK để các đồng chí phụ trách an tâm công tác”.

4.4. Hạn chế của đề tài:

Đề tài nghiên cứu được thực hiện trên cỡ mẫu nhỏ (dưới 30) nên còn có nhiều hạn chế, thống kê phân tích số liệu chỉ mang tính tham khảo, không mang tính khái quát hóa. Nhóm nghiên cứu sẽ tiếp tục mở rộng cỡ mẫu trong các nghiên cứu tiếp theo.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu trên 23 ĐDTK đang công tác tại BV Quân y 87, từ tháng 9 -10/2021, chúng tôi đưa ra một số kết luận sau:

- Tỷ lệ ĐDTK có trình độ đại học là 4,3%, cao đẳng 73,9%, 21,8% ĐDTK có trình độ trung cấp. 17,4% ĐDTK được đào tạo về quản lý ĐD. Tỷ lệ ĐDTK có chứng chỉ tin học văn phòng chiếm 56,5%.

- Tỷ lệ ĐDTK có chứng chỉ Ngoại ngữ thấp chỉ chiếm 34,8%.

- ĐDTK chưa tham gia NCKH chiếm tỉ lệ tới 56,5%.

- Đa số ĐDTK, nhất là các ĐDTK còn trẻ có nguyện vọng được tiếp tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn và quản lý ĐD.

- Phần lớn ĐDTK đạt mức độ

hoàn thành nhiệm vụ với tỷ lệ 73,9%, còn 26,1% ĐDTK không đạt mức hoàn thành nhiệm vụ theo đánh giá của CNK. Thời gian dành cho công tác quản lý của ĐDTK còn hạn chế vẫn còn 17,4% ĐDTK tự đánh giá thời gian dành cho quản lý/ngày ít hơn 50%.

- Có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê về trình độ chuyên môn, trình độ tin học và thời gian dành cho công tác quản lý với khả năng hoàn thành nhiệm vụ ($p < 0,05$). Trong số 23 CNK được khảo sát có tới 43,5% đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ quản lý về công tác đào tạo, NCKH và chỉ đạo tuyến của ĐDTK ở mức độ trung bình và yếu.

** Kiến nghị:*

Nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc NB và để nâng cao vai trò, tạo điều kiện cho các ĐDTK phát huy khả năng quản lý công tác ĐDTK. Nhóm nghiên cứu đề xuất một số giải pháp như sau:

- Khuyến khích đào tạo nâng cao trình độ, phấn đấu để đạt được 100% các ĐDTK có trình độ chuyên môn là đại học và sau đại học.

- Mở lớp đào tạo năng lực quản lý ĐDTK. Cần tăng cường hơn nữa trình độ ngoại ngữ, tin học, công tác NCKH và tạo điều kiện đào tạo tại chỗ.

- Xây dựng đầy đủ và chặt chẽ các quy trình, biểu mẫu phục vụ công tác quản lý của ĐDTK.

- Tăng cường công tác kiểm tra,

giám sát và chấn chỉnh các nội dung về công tác quản lý của ĐDTK.

TÀI LIỆU KHAM KHẢO

1. Cục Quản lý Khám chữa bệnh - Bộ Y tế (2017), Thực trạng công tác điều dưỡng 2017 và nhiệm vụ trọng tâm 2018-2019.

2. Dương Thị Thanh Huyền (2019). Đánh giá kết quả hoạt động quản lý của điều dưỡng trưởng tại các cơ sở y tế tuyến huyện tỉnh Nam Định năm 2019.

3. Đinh Thị Hồng Vân (2020), Tổng quan định hướng phát triển công tác điều dưỡng Bệnh viện Quân y 175, 2021-2025.

4. Đặng Văn Tuấn (2019). Đánh giá năng lực quản lý của điều dưỡng trưởng các khoa lâm sàng tại Bệnh viện Quân y 5 năm 2019.

5. Phạm Đức Mục (2004). Vai trò Điều dưỡng trưởng khoa. Thông tin Điều dưỡng, trang: 5-8.

6. Phùng Thị Phương (2020), Công tác điều dưỡng quân đội và định hướng phát triển giai đoạn 2020-2025, Cục Quân y (2020).

7. Nguyễn Vĩnh Thái (2014), Đánh giá thực trạng năng lực quản lý của điều dưỡng trưởng khoa tại các bệnh viện công lập, tỉnh Khánh Hòa năm 2014.

8. Sở Y tế Khánh Hòa (2020). Báo cáo công tác y tế năm 2020 và triển khai kế hoạch năm 2021.

9. WHO (2020), The State of the World's Nursing.